

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
 CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 09
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122100185	Đặng Thái Anh	19/07/2004	CCQ2210F	6.5	5.4	7.5	0	5	4.2	
2	2122100188	Hứa Thị Kim Anh	15/04/2004	CCQ2210F	7.5	4.1	4	9.3	8	7.0	
3	2122100166	Nguyễn Phương Anh	06/08/2004	CCQ2210E	7.8	8.8	7.5	9	10	8.9	
4	2121240122	Trần Hoài Vân Anh	08/12/2003	CCQ2124E	9.2	8.2	7	7.7	8	8.0	
5	2122100146	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	03/05/2004	CCQ2210E	6.8	5.8	8	8.3	8	7.6	
6	2122100330	Bá Thị Mai Cương	18/10/2004	CCQ2210F	7.1	6.5	6.5	8	8	7.8	
7	2122100176	Hán Thị Mỹ Duyên	09/08/2004	CCQ2210F	5.4	7.1	6.5	4	8	6.1	
8	2122100187	Trần Thị Mỹ Duyên	21/08/2004	CCQ2210F	6.8	8.8	7.5	7.3	8	7.7	
9	2122100172	Nguyễn Hồng Gám	09/10/2004	CCQ2210E	6.8	6.8	7	4	8	6.4	
10	2122100150	Nguyễn Dương Ngân Giang	02/10/2004	CCQ2210E	6.8	8.8	7.5	9	8	8.2	
11	2122100148	Nguyễn Thị Cẩm Giang	02/06/2004	CCQ2210E	6.8	6.8	7.5	7.7	8	7.5	
12	2122100144	Dương Thị Hà	19/02/2004	CCQ2210E	7.8	6.8	7	9.3	8	8.0	
13	2122100201	Lê Thị Thu Hà	29/01/2004	CCQ2210F	6.5	6.5	8	7.3	8	7.4	
14	2122100202	Phạm Thị Thu Hà	01/01/2003	CCQ2210F	6.1	8.2	4	7.7	8	7.1	
15	2122100169	Hồ Thị Hiền	22/02/2004	CCQ2210E	7.5	6.8	4	9	8	7.5	
16	2122100165	Nguyễn Thị Huyền	04/03/2004	CCQ2210E	8.2	7.5	7	9.7	8	8.3	
17	2122100182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/09/2004	CCQ2210F	6.8	6.5	8	8.7	7	7.5	
18	2122100203	Đa Thị Huỳnh Hương	28/04/2004	CCQ2210F	7.1	7.8	8	10	8	8.4	
19	2122100149	Đặng Thị Thu Hương	16/06/2004	CCQ2210E	7.5	4.8	6.5	4	8	6.1	
20	2122100200	Hồ Xuân Hương	24/09/2004	CCQ2210F	5.8	7.1	8	8.3	10	8.2	
21	2122100168	Lục Tú Linh	31/01/2004	CCQ2210E	7.1	7.5	8	8.3	8	7.9	
22	2122100164	Phan Ngọc Linh	21/05/2004	CCQ2210E	8.2	9.5	6.5	8.3	8	8.1	
23	2122100189	Đặng Thị Thanh Loan	09/09/1999	CCQ2210F	6.5	7.8	6.5	9.3	8	7.9	
24	2122100199	Nguyễn Thục Vân Long	09/11/2004	CCQ2210F	5.1	6.8	4	7.3	10	7.2	
25	2122100163	Lê Thị Diễm My	20/02/2004	CCQ2210E	6.5	8.5	4	8.3	8	7.4	
26	2122100196	Lê Thị Thu Nam	06/10/2004	CCQ2210F	7.8	5.8	4	7.7	8	7.0	
27	2122100331	Nguyễn Thị Thuý Nga	12/02/2004	CCQ2210F	6.5	6.5	8	4	7	6.1	
28	2121240127	Huỳnh Kim Ngân	01/09/2003	CCQ2124E	6.8	6.5	4	4	8	5.9	
29	2122100174	Nguyễn Thị Bích Ngân	31/10/2004	CCQ2210E	7.8	9.2	6.5	9.7	8	8.4	
30	2122110364	Hồ Thị Huỳnh Nghi	19/05/2004	CCQ2210E	7.8	8.5	4	9.3	8	7.8	
31	2122100194	Hồ Thị Ngọc	13/01/2003	CCQ2210F	7.8	9.2	6.5	7.3	8	7.7	
32	2122240041	Phạm Thị Như Ngọc	23/09/2004	CCQ2210E	6.1	6.1	8	4	8	6.3	
33	2122110133	Ứng Kim Ngọc	06/01/2004	CCQ2210F	7.1	6.8	8	9.7	8	8.2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2122100209	Lư Huỳnh Trúc Nhã	27/02/2004	CCQ2210F	7.1	9.5	7.5	8.3	10	8.7	
35	2122100151	Hồ Thị Yến Nhi	15/07/2003	CCQ2210E	5.8	4.4	7.5	9.7	8	7.6	
36	2122100178	Huỳnh Yến Nhi	13/06/1999	CCQ2210F	8.2	7.8	7	8.3	10	8.5	
37	2122100152	Phạm Thị Quỳnh Như	21/03/2004	CCQ2210E	5.8	6.1	7	8.7	8	7.5	
38	2122100206	Trần Thị Huỳnh Như	26/05/2004	CCQ2210F	7.1	6.1	4	4	8	5.9	
39	2122100207	Nguyễn Trinh Nữ	14/04/2004	CCQ2210F	7.1	8.5	4	7.7	8	7.3	
40	2122100179	Hoàng Thị Kim Oanh	16/08/2004	CCQ2210F	7.8	8.2	7	9.7	8	8.3	
41	2122100208	Nguyễn Thị Oanh	04/09/2004	CCQ2210F	6.5	7.1	8	9.3	8	8.0	
42	2122100332	Hồ Thiên Phúc	06/04/2004	CCQ2210F	8.8	6.5	4	9	8	7.6	
43	2122100191	Lư Hoàng Phúc	13/04/2004	CCQ2210F	6.8	8.2	7.5	9	8	8.1	
44	2122100161	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	10/02/2004	CCQ2210E	6.8	7.5	7	7	8	7.3	
45	2122100329	Lương Thị Thuý Quỳnh	21/08/2004	CCQ2210E	6.8	6.1	8	9	8	7.8	
46	2122100193	Đỗ Thị Phương Thanh	05/12/2004	CCQ2210F	8.2	6.8	6.5	7	8	7.4	
47	2122100154	Đào Quang Phương Thảo	09/07/1997	CCQ2210E	8.2	8.2	6.5	9.7	10	8.9	
48	2122110102	Lê Thị Minh Thi	17/03/2003	CCQ2210F	6.5	7.8	4	4	8	6.0	
49	2122100197	Nguyễn Thị Lệ Thu	04/09/2004	CCQ2210F	7.8	6.8	4	8.3	8	7.3	
50	2122100175	Au Vũ Như Thùy	22/10/2004	CCQ2210E	7.8	6.1	4	9	8	7.4	
51	2122100173	Đinh Thị Diệu Thúy	05/10/2004	CCQ2210E	8.2	7.8	7.5	9	8	8.2	
52	2121240121	Dương Ngọc Anh Thư	01/01/2003	CCQ2124E	9.2	6.5	4	9	8	7.7	
53	2122100147	Trần Thị Anh Thư	24/02/2004	CCQ2210E	7.1	9.2	7.5	4	8	6.8	
54	2122100145	Đặng Lê Như Thương	25/10/2004	CCQ2210E	6.5	5.4	4	7.7	7	6.5	
55	2122100158	Phạm Nguyễn Hoài Thương	01/01/2004	CCQ2210E	7.8	8.8	7.5	7.3	8	7.8	
56	2122100181	Lê Thị Cẩm Tiên	09/11/2004	CCQ2210F	8.2	7.1	6.5	8	8	7.7	
57	2122100156	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19/02/2004	CCQ2210E	8.8	9.2	6.5	8	8	8.1	
58	2122100184	Hồ Thị Ngọc Tình	15/08/2004	CCQ2210F	5.4	6.5	4	9.7	8	7.3	
59	2122100205	Chu Thị Trang	03/02/2004	CCQ2210F	6.8	6.8	7	7.7	8	7.4	
60	2122100183	Phạm Ngọc Trang	19/04/2004	CCQ2210F	7.8	8.2	7.5	4	8	6.8	
61	2122100171	Quách Thu Trang	14/08/2004	CCQ2210E	8.5	9.2	7.5	10	8	8.7	
62	2122100198	Trần Thị Thùy Trang	23/07/2004	CCQ2210F	6.5	4.8	4	4	8	5.6	
63	2122100195	Phạm Thị Ngọc Trâm	13/03/2004	CCQ2210F	8.8	5.1	7	8.7	8	7.8	
64	2122100328	Hồ Thị Thuý Trinh	01/05/2004	CCQ2210E	7.5	6.5	4	4	8	6.0	
65	2122100190	Võ Ngọc Lan Trinh	30/04/2004	CCQ2210F	7.1	7.1	4	7.3	10	7.5	
66	2122100167	Phạm Kim Tuyền	25/05/2004	CCQ2210E	7.8	8.2	6.5	6.7	8	7.4	
67	2121240136	Huỳnh Yến Tuyết	03/07/2003	CCQ2124E	8.5	6.1	4	7.3	8	7.0	
68	2122100157	Nguyễn Thủy Thảo Uyên	21/07/2004	CCQ2210E	6.1	7.1	7	4	8	6.3	
69	2122100153	Phạm Thị Hồng Vân	03/12/2003	CCQ2210E	7.1	7.5	4	9	8	7.5	
70	2121240142	Trần Ngọc Như Ý	30/10/2003	CCQ2124E	8.5	7.8	4	7.3	8	7.3	
71	2122100192	Võ Như Ý	01/08/2004	CCQ2210F	7.5	8.2	8	8.3	8	8.0	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	-------	-------	-------	-------	-------	-----	---------

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 2 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 09
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122100185	Đặng Thái Anh	19/07/2004	CCQ2210F	4.2	6.0	5.3
2	2122100188	Hứa Thị Kim Anh	15/04/2004	CCQ2210F	7.0	6.6	6.8
3	2122100166	Nguyễn Phương Anh	06/08/2004	CCQ2210E	8.9	8.0	8.3
4	2121240122	Trần Hoài Văn Anh	08/12/2003	CCQ2124E	8.0	7.8	7.9
5	2122100146	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	03/05/2004	CCQ2210E	7.6	6.6	7.0
6	2122100330	Bá Thị Mai Cường	18/10/2004	CCQ2210F	7.8	6.2	6.8
7	2122100176	Hán Thị Mỹ Duyên	09/08/2004	CCQ2210F	6.1	6.2	6.2
8	2122100187	Trần Thị Mỹ Duyên	21/08/2004	CCQ2210F	7.7	6.2	6.8
9	2122100172	Nguyễn Hồng Gấm	09/10/2004	CCQ2210E	6.4	6.4	6.4
10	2122100150	Nguyễn Dương Ngân Giang	02/10/2004	CCQ2210E	8.2	7.2	7.6
11	2122100148	Nguyễn Thị Cẩm Giang	02/06/2004	CCQ2210E	7.5	6.8	7.1
12	2122100144	Dương Thị Hà	19/02/2004	CCQ2210E	8.0	8.6	8.4
13	2122100201	Lê Thị Thu Hà	29/01/2004	CCQ2210F	7.4	7.0	7.1
14	2122100202	Phạm Thị Thu Hà	01/01/2003	CCQ2210F	7.1	5.0	5.8
15	2122100169	Hồ Thị Hiền	22/02/2004	CCQ2210E	7.5	6.8	7.1
16	2122100165	Nguyễn Thị Huyền	04/03/2004	CCQ2210E	8.3	8.4	8.4
17	2122100182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/09/2004	CCQ2210F	7.5	7.4	7.5
18	2122100203	Đa Thị Huỳnh Hương	28/04/2004	CCQ2210F	8.4	6.2	7.1
19	2122100149	Đặng Thị Thu Hương	16/06/2004	CCQ2210E	6.1	6.2	6.2
20	2122100200	Hồ Xuân Hương	24/09/2004	CCQ2210F	8.2	7.2	7.6
21	2122100168	Lục Tú Linh	31/01/2004	CCQ2210E	7.9	6.4	7.0
22	2122100164	Phan Ngọc Linh	21/05/2004	CCQ2210E	8.1	7.8	7.9
23	2122100189	Đặng Thị Thanh Loan	09/09/1999	CCQ2210F	7.9	7.8	7.8
24	2122100199	Nguyễn Thục Vân Long	09/11/2004	CCQ2210F	7.2	6.8	7.0
25	2122100163	Lê Thị Diễm My	20/02/2004	CCQ2210E	7.4	7.4	7.4
26	2122100196	Lê Thị Thu Nam	06/10/2004	CCQ2210F	7.0	7.0	7.0
27	2122100331	Nguyễn Thị Thuý Nga	12/02/2004	CCQ2210F	6.1	7.8	7.1
28	2121240127	Huỳnh Kim Ngân	01/09/2003	CCQ2124E	5.9	6.4	6.2
29	2122100174	Nguyễn Thị Bích Ngân	31/10/2004	CCQ2210E	8.4	7.4	7.8
30	2122110364	Hồ Thị Huỳnh Nghi	19/05/2004	CCQ2210E	7.8	7.6	7.7
31	2122100194	Hồ Thị Ngọc	13/01/2003	CCQ2210F	7.7	7.6	7.7
32	2122240041	Phạm Thị Như Ngọc	23/09/2004	CCQ2210E	6.3	7.8	7.2
33	2122110133	Ứng Kim Ngọc	06/01/2004	CCQ2210F	8.2	6.8	7.4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2122100209	Lư Huỳnh Trúc Nhã	27/02/2004	CCQ2210F	8.7	7.4	7.9
35	2122100151	Hồ Thị Yên Nhi	15/07/2003	CCQ2210E	7.6	5.4	6.3
36	2122100178	Huỳnh Yên Nhi	13/06/1999	CCQ2210F	8.5	7.0	7.6
37	2122100152	Phạm Thị Quỳnh Như	21/03/2004	CCQ2210E	7.5	6.6	6.9
38	2122100206	Trần Thị Huỳnh Như	26/05/2004	CCQ2210F	5.9	6.4	6.2
39	2122100207	Nguyễn Trinh Nữ	14/04/2004	CCQ2210F	7.3	6.6	6.9
40	2122100179	Hoàng Thị Kim Oanh	16/08/2004	CCQ2210F	8.3	6.8	7.4
41	2122100208	Nguyễn Thị Oanh	04/09/2004	CCQ2210F	8.0	6.8	7.3
42	2122100332	Hồ Thiên Phúc	06/04/2004	CCQ2210F	7.6	7.6	7.6
43	2122100191	Lư Hoàng Phúc	13/04/2004	CCQ2210F	8.1	7.0	7.4
44	2122100161	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	10/02/2004	CCQ2210E	7.3	7.6	7.5
45	2122100329	Lương Thị Thuý Quỳnh	21/08/2004	CCQ2210E	7.8	6.2	6.9
46	2122100193	Đỗ Thị Phương Thanh	05/12/2004	CCQ2210F	7.4	6.4	6.8
47	2122100154	Đào Quang Phương Thảo	09/07/1997	CCQ2210E	8.9	8.0	8.4
48	2122110102	Lê Thị Minh Thi	17/03/2003	CCQ2210F	6.0	6.8	6.5
49	2122100197	Nguyễn Thị Lệ Thu	04/09/2004	CCQ2210F	7.3	6.0	6.5
50	2122100175	Âu Vũ Như Thùy	22/10/2004	CCQ2210E	7.4	8.0	7.8
51	2122100173	Đinh Thị Diệu Thúy	05/10/2004	CCQ2210E	8.2	7.2	7.6
52	2121240121	Dương Ngọc Anh Thư	01/01/2003	CCQ2124E	7.7	7.2	7.4
53	2122100147	Trần Thị Anh Thư	24/02/2004	CCQ2210E	6.8	7.2	7.1
54	2122100145	Đặng Lê Như Thương	25/10/2004	CCQ2210E	6.5	6.6	6.5
55	2122100158	Phạm Nguyễn Hoài Thương	01/01/2004	CCQ2210E	7.8	6.8	7.2
56	2122100181	Lê Thị Cẩm Tiên	09/11/2004	CCQ2210F	7.7	7.4	7.5
57	2122100156	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19/02/2004	CCQ2210E	8.1	8.2	8.1
58	2122100184	Hồ Thị Ngọc Tình	15/08/2004	CCQ2210F	7.3	6.0	6.5
59	2122100205	Chu Thị Trang	03/02/2004	CCQ2210F	7.4	8.2	7.9
60	2122100183	Phạm Ngọc Trang	19/04/2004	CCQ2210F	6.8	7.0	6.9
61	2122100171	Quách Thu Trang	14/08/2004	CCQ2210E	8.7	6.2	7.2
62	2122100198	Trần Thị Thùy Trang	23/07/2004	CCQ2210F	5.6	6.0	5.8
63	2122100195	Phạm Thị Ngọc Trâm	13/03/2004	CCQ2210F	7.8	8.8	8.4
64	2122100328	Hồ Thị Thuý Trinh	01/05/2004	CCQ2210E	6.0	6.2	6.1
65	2122100190	Võ Ngọc Lan Trinh	30/04/2004	CCQ2210F	7.5	7.4	7.5
66	2122100167	Phạm Kim Tuyền	25/05/2004	CCQ2210E	7.4	7.8	7.6
67	2121240136	Huỳnh Yên Tuyết	03/07/2003	CCQ2124E	7.0	7.0	7.0
68	2122100157	Nguyễn Thùy Thảo Uyên	21/07/2004	CCQ2210E	6.3	8.0	7.3
69	2122100153	Phạm Thị Hồng Vân	03/12/2003	CCQ2210E	7.5	6.8	7.1
70	2121240142	Trần Ngọc Như Ý	30/10/2003	CCQ2124E	7.3	7.0	7.1
71	2122100192	Võ Như Ý	01/08/2004	CCQ2210F	8.0	6.8	7.3

Tp. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2023